

V/v: Giải trình lợi nhuận BCTC bán niên năm 2021 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Tên công ty: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam**

Địa chỉ: Khô 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Mã số thuế: 2900783332

Người đại diện: Võ Hải Thanh

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình nguyên nhân đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam giải trình Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu  | Năm 2021        | Năm 2020        | Tăng (+)<br>Giảm (-) | Tỷ lệ |
|---|-----------------|-----------------|----------------------|-------|
| 1   | 2               | 3               | 4=2-3                | 5=4/3 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 358,449,086,962 | 302,691,880,317 | 55,757,206,645       | 18%   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)      | 358,449,086,962 | 302,691,880,317 | 55,757,206,645       | 18%   |
| 4. Giá vốn hàng bán   | 326,462,745,839 | 283,066,504,211 | 43,396,241,628       | 15%   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ (20=10-11)            | 31,986,341,123  | 19,625,376,106  | 12,360,965,017       | 63%   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 777,028,500     | 3,054,418,002   | (2,277,389,502)      | -75%  |
| 7. Chi phí tài chính  | 829,268,894     | 4,087,795,031   | (3,258,526,137)      | -80%  |
| 8. Chi phí bán hàng   | 512,323,959     | 416,081,214     | 96,242,745           | 23%   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 12,606,929,625  | 10,567,733,282  | 2,039,196,343        | 19%   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 18,814,847,145  | 7,608,184,581   | 11,206,662,564       | 147%  |
| 11. Thu nhập khác   | 317,474,903     | 420,957,000     | (103,482,097)        | -25%  |

|  |                |                 |                 |       |
|--|----------------|-----------------|-----------------|-------|
| 12. Chi phí khác   | 952,906,337    | 313,987         | 952,592,350     |       |
| 13. Lợi nhuận khác<br>(40=31-32)                                 | (635,431,434)  | 420,643,013     | (1,056,074,447) | -251% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế<br>toán trước thuế<br>(50=30+40)           | 18,179,415,711 | 8,028,827,594   | 10,150,588,117  | 126%  |
| 15. Chi phí thuế TNDN<br>hiện hành                               | 2,800,192,180  | 2,129,077,344   | 671,114,836     | 32%   |
| 16. Chi phí thuế TNDN<br>hoãn lại                                | 835,690,962    | (2,713,714,023) | 3,549,404,985   | -131% |
| 17. Lợi nhuận sau thuế<br>thu nhập doanh nghiệp<br>(60=50-51-52) | 14,543,532,569 | 8,613,464,273   | 5,930,068,296   | 69%   |

Nguyên nhân kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm năm 2021 tăng so cùng kỳ là do:

- Sản lượng sản xuất cao hơn làm giảm giá thành và giá vốn hàng bán.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty về việc biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 kính gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

